

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 702 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá,
công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí,
chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04
tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt
chuẩn tiếp cận pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;*

*Thực hiện Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành
chính lĩnh vực chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của
ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 64/TTr-STP ngày
04 tháng 02 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này hướng dẫn thời gian lấy số liệu, thời gian tổ chức đánh giá,
công nhận, hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp
cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Văn Trị, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.
SĐT: (0251) 3822501 – FAX: (0251) 3823854 – 3824934.

luật quy định tại Điều 4 của Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 2. Thời gian lấy số liệu; thời gian tổ chức đánh giá, công nhận; hình thức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

1. Việc đánh giá, công nhận xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm, tính từ ngày 31 tháng 10 của năm trước liền kề năm đánh giá đến ngày 31 tháng 10 của năm đánh giá.

2. Thời gian tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện từ ngày 01 tháng 11 hàng năm.

3. Trình tự, thủ tục, hình thức thẩm định hồ sơ đánh giá, công nhận cấp xã thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Việc gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Sở Tư pháp được thực hiện bằng hình thức nộp trực tiếp và nộp trực tuyến qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Sở Tư pháp tiếp nhận, rà soát, kiểm tra hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của xã, phường; yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan (nếu có). Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, tài liệu chậm nhất trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Tài liệu chứng minh mức độ đạt các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Mức độ đạt chuẩn các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật được xác định trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, làm căn cứ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp



a) Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Quyết định này; phân công công chức chuyên môn theo dõi thường xuyên, chấm điểm, đánh giá từng tiêu chí, chỉ tiêu gắn với trách nhiệm, nhiệm vụ của công chức.

b) Có giải pháp bảo đảm nguồn nhân lực, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

c) Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như khoản 2, Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL – Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út



Phụ lục
TAI LIỆU CHỨNG MINH MỨC ĐỘ ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Kèm theo Quyết định số 702 /QĐ-UBND ngày 13 / 02 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Đạt 03/03 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được ban hành đúng thời hạn và đúng quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc kiến nghị xử lý do trái với quy định pháp luật/Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100.</i>	100%	Các Nghị quyết của HĐND cấp xã, Quyết định của UBND cấp xã ban hành trong năm đánh giá, kèm theo các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Văn bản lấy ý kiến góp ý, bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm tra (đối với Nghị quyết) Văn bản đề nghị thẩm định, báo cáo thẩm định, Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý, cho chính quyền cấp xã (nếu có).

¹ Đối với tài liệu chứng minh là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ các đơn vị cần thể hiện cụ thể mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Chỉ tiêu 2	<i>Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số dự thảo Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được truyền thông trong quá trình xây dựng theo quy định/Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã phát sinh trong năm đánh giá phải ban hành) x 100.</i>	100%	Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ việc truyền thông dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã trong quá trình xây dựng.
Chỉ tiêu 3	<i>Thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật</i>	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã được thực hiện tự kiểm tra theo quy định/Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của</i>	100%	Hồ sơ, văn bản, tài liệu liên quan việc thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND cấp xã

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	<i>UBND cấp xã phải thực hiện tự kiểm tra theo quy định trong năm đánh giá) x 100.</i>		
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 07/07 chỉ tiêu	
Chỉ tiêu 1	<i>Thực hiện lập, cập nhật, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin</i>	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Thực hiện lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện	Có Danh mục thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thường xuyên	- Các Danh mục thông tin đã được HĐND, UBND cấp xã ban hành, đăng tải trên Trang thông tin điện tử cấp xã hoặc niêm yết tại trụ sở HĐND, UBND xã hoặc hình thức phù hợp khác. - Báo cáo kết quả (độc lập hoặc lồng ghép).
	2. Đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin	Đăng tải Danh mục thông tin (cấp xã có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở UBND cấp xã (cấp xã chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử) hoặc hình thức phù hợp khác	

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Chỉ tiêu 2	Thực hiện công khai văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi ban hành theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin	Đạt 01/01 nội dung	https://nhahieu.com.vn/vi/news/thong-tin-chi-dao-chau-hang/ liệt kê hội đồng nhân dân
	Tỷ lệ Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin. Tỷ lệ % = (Tổng số Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND cấp xã sau khi ban hành được công khai theo quy định/Tổng số Nghị quyết của HĐND được thông qua và Quyết định của UBND cấp xã phải thực hiện công khai theo quy định trong năm đánh giá) x 100.	100%	- Hồ sơ, văn bản, tài liệu phục vụ xây dựng, đăng tải hoặc niêm yết các danh mục thông tin (đường link trên Trang thông tin điện tử, lịch phát các tin, bài công khai thông tin được người có thẩm quyền phê duyệt; hình ảnh chụp các bảng niêm yết, công khai thông tin...). - Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc công khai thông tin theo yêu cầu của Văn phòng HĐND và UBND cấp xã (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
Chỉ tiêu 3	Thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin	Đạt 01/01 nội dung	
	Tỷ lệ thông tin được cung cấp theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp luật. Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ, đúng hình thức theo quy định pháp	100%	- Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐND, UBND cấp xã, kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	<i>luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp trong năm đánh giá) x 100.</i> <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được xác định là đạt chỉ tiêu này)</i>		- Đơn kiến nghị, phản ánh hoặc biên bản tổng hợp kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của HĐND, UBND cấp xã (nếu có). - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
Chỉ tiêu 4	<i>Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 02/02 nội dung</i>	
	1. Ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.	Kế hoạch được ban hành đáp ứng yêu cầu về nội dung và thời hạn theo kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của UBND cấp tỉnh hoặc trong 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp tỉnh ban hành kế hoạch trong trường hợp UBND cấp tỉnh không có yêu cầu về thời hạn	- Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của UBND cấp xã. - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100.</i> <i>(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này).</i>	100%	
Chỉ tiêu 5	Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	Đạt 01/01 nội dung	
	UBND cấp xã thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật sau đây: - Tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến; - Ứng dụng công nghệ số trong tập huấn phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ nhân lực làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật trên Cổng/Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã và có sự kết nối với Cổng Pháp luật Quốc gia (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang thông tin điện tử);	≥ 02 hoạt động	<i>http://nhaphiep.dmpnai.gov.vn/</i> <i>UBND Nhân Bình - Huyện Vĩnh</i> - Hồ sơ, văn bản, tài liệu chứng minh kết quả thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật như: Kế hoạch, công văn, báo cáo... địa chỉ đường link trên Cổng/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến..... - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ. <i>nhaphiep.dmpnai.gov.vn</i>

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	- Sử dụng mạng xã hội hoặc các nền tảng cộng đồng trực tuyến khác để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật (<i>ít nhất một trong các hình thức sau: Zalo OA, Facebook Fanpage, Youtube...</i>); - Xây dựng, số hoá các tài liệu, sản phẩm truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật như video clip hoặc podcast hoặc audio...; - Xây dựng chatbox giải đáp pháp luật; - Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tin nhắn điện thoại; - Hoạt động về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số khác bảo đảm phù hợp với thực tiễn.		
Chỉ tiêu 6	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật</i>	<i>Đạt 03/03 nội dung</i>	
	1. UBND cấp xã bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã	Bảo đảm theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn hướng dẫn thi hành	- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung bố trí công chức, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã

*Quyết định
về việc giao dưới chủ trì toán - thu chi ngân sách
nhân dân năm 2026*

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
			- Dự toán kinh phí chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được UBND cấp xã phê duyệt. <i>Quyết định số: 205/QĐ-UBND ngày 24/2/2026</i> - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (độc lập hoặc lồng ghép).
	2. Tỷ lệ nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật được bố trí kinh phí bảo đảm triển khai thực hiện / Tổng số nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật trong Kế hoạch) x 100</i>	100%	
	3. Tỷ lệ tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng / Tổng số tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	≥ 90%	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật. - Danh sách tuyên truyền viên pháp luật được công nhận. Danh sách tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật (có xác nhận của UBND cấp xã).

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
			- Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.
Chỉ tiêu 7	<i>Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý</i>	Đạt 03/03 nội dung	
	1. Ban hành kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý	Kế hoạch được ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của UBND cấp xã	- Kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm (ban hành riêng hoặc được lồng ghép trong các kế hoạch của UBND cấp xã). - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thực hiện Kế hoạch (báo cáo độc lập hoặc được lồng ghép) và các văn bản, tài liệu phục vụ tổ chức, triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ của Kế hoạch.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	2. Tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch truyền thông về trợ giúp pháp lý hằng năm. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong kế hoạch) x 100.</i> <i>(Các nhiệm vụ, hoạt động đã đề ra trong kế hoạch nhưng không triển khai và không hoàn thành được vì lý do khách quan thì không được tính để xác định tỷ lệ này)</i>	100%	
	3. Xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã và được cập nhật đầy đủ, kịp thời (đối với cấp xã đã có Cổng/Trang Thông tin điện tử)	Có chuyên mục chính sách, pháp luật và được cập nhật đầy đủ, kịp thời	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản liên quan việc xây dựng chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã. <i>https://nhabich.dongnai.gov.vn/vi/lien-xu-nha-bich-dong-nai</i> - Đường link chuyên mục chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của HĐND, UBND cấp xã. <i>nhabich.dongnai.gov.vn</i> - Báo cáo kết quả cập nhật chính sách, pháp luật về trợ giúp pháp lý (báo cáo độc lập hoặc lồng ghép).
Tiêu chí 3	Hoà giải ở cơ sở	Đạt 04/04 chỉ tiêu	

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Chỉ tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Tỷ lệ tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải được thành lập, kiện toàn đáp ứng yêu cầu về số lượng, thành phần theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số tổ hoà giải phải thành lập, kiện toàn trên địa bàn cấp xã) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu thành lập, kiện toàn tổ hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)</i>	100%	- Các văn bản về thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên. - Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ.
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên được bầu, công nhận, cho thôi theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở/Tổng số hoà giải viên phải thực hiện bầu, công nhận, cho thôi trên địa bàn cấp xã) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh yêu cầu kiện toàn, công nhận, cho thôi hòa giải viên được xác định là đạt chỉ tiêu này)</i>	100%	

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Chỉ tiêu 2	<i>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	Đạt 02/02 nội dung	
	1. Tỷ lệ các vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết theo quy định của pháp luật về hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã tiếp nhận trên địa bàn cấp xã) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)</i>	100%	- Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả hoạt động hòa giải ở cơ sở. - Báo cáo của Tổ trưởng Tổ hòa giải về tổ chức và hoạt động của tổ hòa giải.
	2. Tỷ lệ các vụ, việc hoà giải ở cơ sở được hoà giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc đã hòa giải theo quy định) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được xác định là đạt chỉ tiêu này)</i>	≥ 85%	
Chỉ tiêu 3	<i>Có sự phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở</i>	Đạt 01/01 nội dung	

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	Tỷ lệ tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 (hai) hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở sau đây: - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ sau đây tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở: Luật sư, luật gia, trợ giúp viên pháp lý, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên hỗ trợ pháp lý hoặc tư vấn cho tổ hoà giải để giải quyết vụ, việc thuộc phạm vi hoà giải ở cơ sở. - Huy động ít nhất 01 (một) trong các đội ngũ nêu trên tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hoà giải viên. - Các hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức khác trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở. <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở / Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	≥ 80%	- Hồ sơ, tài liệu (kế hoạch, giấy mời, công văn, báo cáo, quyết định công nhận hòa giải viên...) có nội dung tổ hoà giải thực hiện ít nhất 02 hoạt động có sự tham gia của một trong những đối tượng là luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ pháp lý, tư vấn cho tổ hòa giải để giải quyết vụ, việc hoặc tham gia tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên.... - Danh sách tổ hòa giải. - Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động phối hợp, hỗ trợ hiệu quả của cá nhân, tổ chức trên địa bàn trong triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
Chỉ tiêu 4	<i>Bảo đảm nguồn lực về con người và kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai công tác hòa giải ở cơ sở theo của quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở</i>	Đạt 04/04 nội dung	
	1. UBND cấp xã bố trí công chức làm công tác hoà giải ở cơ sở, bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện triển khai công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã	Có văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hoà giải ở cơ sở	Văn bản phân công công chức cấp xã thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm triển khai công tác hòa giải ở cơ sở.
	2. Tỷ lệ hoà giải viên được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hoà giải viên ở cơ sở được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số hoà giải viên trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	$\geq 90\%$	- Hồ sơ, tài liệu, văn bản có nội dung về việc cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở cho hoà giải viên - Danh sách hoà giải viên được công nhận. Danh sách hoà giải viên được được cung cấp tài liệu, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng hoà giải ở cơ sở (có xác nhận của UBND cấp xã). - Tài liệu khác chứng minh kết quả thực hiện các nhiệm vụ.

Tiêu chí, chỉ tiêu	NỘI DUNG TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU	Mức độ đạt chuẩn	Tài liệu chứng minh ¹
	3. Tỷ lệ tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí hoạt động đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn cấp xã) x 100</i>	100%	- Hồ sơ, tài liệu thực hiện chi kinh phí hỗ trợ tổ hòa giải, hòa giải viên.
	4. Tỷ lệ vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hoà giải được hỗ trợ thù lao cho hoà giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hoà giải đã giải quyết) x 100</i>	100%	- Danh sách tổ hòa giải, hòa giải viên xác nhận được hỗ trợ kinh phí theo quy định.

Lưu ý:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện nộp hồ sơ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gửi đến Sở Tư pháp thẩm định trong trường hợp đạt tất cả các nội dung của chỉ tiêu tiếp cận pháp luật quy định tại Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong trường hợp có từ 01 nội dung của chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trở lên không đạt thì không tiến hành thực hiện nộp hồ sơ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến Sở Tư pháp thẩm định.

112